TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha
Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phan Tấn S, sinh năm 1973 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã HT, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phan Tấn S và bị đơn chị Nguyễn Hồng Th thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1993, anh S và chị Th tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nhưng Giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên anh chị thống nhất ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh S và chị Th có 03 người con chung là Phan Thanh T, sinh năm 1992; Phan Văn V, sinh năm 1996 và Phan Ngọc D, sinh ngày 25/01/2004. Khi ly hôn, anh chị thống nhất nếu cháu Duyên có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai cháu Phan Thanh T và Phan Văn V đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh S và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, người khác nợ lại: Anh S và chị Th xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân*: Năm 1993, anh Phan Tấn S và chị Nguyễn Hồng Th tự nguyện chung sống với nhau. Anh chị xác định có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nhưng Giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã H xác nhận trong sổ bộ kết hôn không còn lưu tên anh S và chị Th. Vậy, trường hợp của anh S và chị Th được xem là không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh S và chị Th có 03 người con chung là Phan Thanh T, sinh năm 1992; Phan Văn V, sinh năm 1996 và Phan Ngọc D, sinh ngày 25/01/2004. Khi ly hôn, anh chị thống nhất nếu cháu Duyên có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Duyên có nguyện vọng sống với chị Th. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Phan Ngọc D cho chị Th trực tiếp nuôi. Đối với hai cháu Phan Thanh T và Phan Văn V đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Xét thấy sự tự thỏa thuận của anh chị phù hợp theo quy định nên được ghi nhận.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Anh S và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung, người khác nợ lại*: Anh S và chị Th xác định không có.

[6] *Về án phí*: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Phan Tấn S và chị Nguyễn Hồng Th là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Phan Ngọc D, sinh ngày 25/01/2004 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh S và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh S và chị Th xác định không có.

5. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 11/02/2020, anh S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001404 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Hoàng Đắc